TOÀ ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 4-ĐẮK LẮK**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 30/2026/DS-ST.
Ngày: 25 /6 /2026
V/v: "Kiện đòi tài sản"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 4- ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ toạ phiên tòa: Ông Hoàng Long
Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Hà, ông Phạm Xuân Vinh.
- Thư ký phiên tòa: bà Nông Thị Lường - Thư ký Tòa án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk.
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk tham gia phiên toà: ông Nguyễn Hữu Tiến - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2026, tại trụ sở Toà án nhân dân khu vực 4- Đắk Lắk xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 69/2026-HNGĐ, ngày 30 tháng 01 năm 2026 về việc: "Kiện đòi tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 29/2026/QĐXXST- DS ngày 25/05/2026 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Anh Nguyễn Hoàng L, sinh năm: 1993; Địa chỉ: 504/14/28 Phạm Văn H, phường T, TP Hồ Chí Minh (vắng mặt).

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Ông Phạm Thành Trr, sinh năm 1981. Địa chỉ: số 1411, tỉnh lộ A, phường T, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn: Bà Nguyễn Thị Thùy D, sinh năm 1987; Địa chỉ: số 170, đường A, phường Hr, thành phố Hồ Chí Minh (có mặt).

- Bị đơn: Ông Bùi Văn T, sinh năm: 1974; Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Đắk Lắk (có mặt).

- Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan:

+ Ông Nguyễn Đình Q, sinh năm: 1958; Địa chỉ: Tổ 14, phường H, thành phố Đ (có đơn đề nghị xét xử vắng mặt).

+ Bà Lê Thị H, sinh năm: 1971; Địa chỉ: Thôn A, xã T, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án, người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn, ông Phạm Thành Tr trình bày:

Ông Nguyễn Đình Q quen biết với ông Bùi Văn T do cùng tham gia khoá tu thiền phật giáo tại xã T. Đến năm 2021 do bùng phát dịch covid nên ông Q ở tạm tại rẫy nhà ông T để vừa cách ly covid vừa tu tập cùng ông T. Đến khoảng tháng 01/2022, do ông Q cần tiền để điều trị bệnh và xây sửa lại lăng mộ ở quê nên ông Q có liên lạc với con trai là anh Nguyễn Hoàng L đưa cho ông Q 500.000.000 đồng để lo công việc. Do ông Q không sử dụng tài khoản ngân hàng nên ông T đã cho sử dụng tài khoản ngân hàng của mình để nhận tiền giúp ông Q. Theo đó, ngày

07/01/2022 và các ngày 08, 09/01/2022 ông L đã chuyển tổng cộng 500.000.000 đồng vào tài khoản số 711AC9120519 mang tên Bùi Văn T tại Ngân hàng Vietinbank.

Sau khi nhận tiền, ông T không giao lại cho ông Q mà chiếm giữ số tiền trên nên ông L khởi kiện yêu cầu ông Bùi Văn T trả lại 500.000.000 đồng.

- Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên toà sơ thẩm, bị đơn ông Bùi Văn T xác nhận có nhận số tiền 500.000.000 đồng do ông L chuyển khoản vào tài khoản của ông như đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày là đúng. Tuy nhiên, ông cho rằng mục đích chuyển tiền là để phục vụ chi phí ăn uống, sinh hoạt, thuốc men và đi đòi nợ cho ông Q trong thời gian ông Q sinh sống, tu tập tại rẫy nhà ông T, ngoài ra ông đã trả cho ông Q số tiền 160.000.000 đồng tiền mặt. Do tin tưởng nên khi chi phí ăn uống và khi trả tiền cho ông T ông không yêu cầu ông T làm giấy tờ và cũng không có ai làm chứng nên ông không có chứng cứ, tài liệu gì để chứng minh. Nay ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả 500.000.000 đồng thì ông T đồng ý trả lại cho ông L 500.000.000 đồng. Tuy nhiên vì điều kiện khó khăn nên ông T xin được trả dần số nợ mỗi tháng 2.000.000 đồng cho đến khi trả nợ xong.

- Tại bản tự khai ngày 04/03/2026, người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q trình bày: Về nội dung sự việc như lời khai của đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn đã trình bày là đúng. Ông Q không đồng ý với ý kiến của ông T mà cho rằng mục đích ông Nguyễn Hoàng L chuyển vào tài khoản của ông T 500.000.000 đồng là để ông chữa bệnh và lo công việc gia đình chứ không phải vì mục đích chi phí ăn uống, sinh hoạt như ông T đã trình và ông Q cũng không thừa nhận việc ông T cho rằng đã trả cho ông 160.000.000 đồng tiền mặt. Đối với số tiền 500.000.000 đồng mà ông T đang giữ thì ông Q xác nhận đây là số tiền thuộc quyền sở hữu của anh Nguyễn Hoàng L. Do đó nay ông L khởi kiện yêu cầu ông T trả lại số tiền này thì đề nghị Toà án giải quyết theo quy định của pháp luật và ông không có yêu cầu gì.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan bà Lê Thị H trình bày: Bà là vợ hợp pháp của ông T, việc ông T nhận tiền của ông Q cụ thể như thế nào thì bà không biết và cũng không được sử dụng số tiền này. Có một lần ông T nhờ bà trả cho ông Q số tiền 4.000.000 đồng nhưng không có giấy tờ chứng minh. Đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn thì bà đề nghị Tòa án giải quyết theo quy định pháp luật và không có yêu cầu gì.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn Bà Nguyễn Thị Thùy D trình bày: Nhất trí với lời trình bày của người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn, việc ông T cho rằng số tiền 500.000.000 đồng đã được khấu trừ vào chi phí ăn uống, sinh hoạt trong thời gian ông Q ở nhờ trên nhà rẫy của ông T cũng như ông T đã trả cho ông Q 160.000.000 đồng là không có căn cứ, phía nguyên đơn không thừa nhận. Vì vậy đề nghị Hội đồng xét xử xem xét chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn. Buộc bị đơn ông Bùi Văn T có nghĩa vụ trả cho anh Nguyễn Hoàng L số tiền 500.000.000 đồng và không đồng ý với yêu cầu của bị đơn trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng.

Phần tranh luận: Bị đơn ông Bùi Văn T đã chấp nhận trả cho ông Nguyễn Hoàng L số tiền 500.000.000 đồng và xin được trả vào thời gian sau:

Ngày 26/12/2026 trả 150.000.000 đồng; Ngày 26/06/2027 trả 150.000.000 đồng và ngày 20/12 năm 2027 trả 200.000.000 đồng. Trường hợp ông Bùi Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như đã thoả thuận nêu trên thì ông Nguyễn Hoàng L được quyền yêu cầu cơ quan Thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Người đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn ông Phạm Thành Tr và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của nguyên đơn bà Nguyễn Thị Thuỳ Dương đồng ý với yêu cầu của bị đơn. Các đương sự đều đề nghị HĐXX ghi nhận sự thoả thuận với các nội dung trên.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk phát biểu ý kiến:

- Về tố tụng: Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký tuân thủ đúng các quy định của pháp luật, nguyên đơn, bị đơn, người có quyền và nghĩa vụ liên quan đã thực hiện đầy đủ quyền nghĩa vụ của mình trong quá trình tham gia tố tụng.

- Về nội dung: Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Căn cứ khoản 2 Điều 1, khoản 3 Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp Người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại.

Căn cứ Căn cứ các Điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể: Ông Bùi Văn T xác nhận đang chiếm giữ và chấp nhận trả cho anh Nguyễn Hoàng L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Về thời hạn, phương thức trả tiền cụ thể như sau:

- Ngày 25/12/2026 trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Ngày 25/6/2027 trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Ngày 25/12/2027 trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Trường hợp ông Bùi Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trên thì ông Nguyễn Hoàng L được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ trong hồ sơ vụ án, được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định về nội dung vụ án như sau:

[1] Về tố tụng:

Căn cứ vào nội dung vụ án và yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, Toà án xác định đây là vụ án "Kiện đòi tài sản" được quy định tại khoản 2 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự (BLTTDS). Bị đơn ông Bùi Văn T cư trú tại xã Tân Tiến nên căn cứ khoản 3 Điều 26 của Bộ luật Tố tụng dân sự điểm a khoản 1 Điều 39 thì Tòa án nhân dân khu vực 4-Đắk Lắk thụ lý giải quyết là đúng thẩm quyền.

Tại phiên toà người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt, bà Lê Thị H vắng mặt tại phiên toà lần thứ 2. Căn cứ khoản 1 Điều 227 của Bộ luật Tố tụng dân sự xét xử vắng mặt người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan.

[2]. Về nội dung: Tại phần tranh luận tại phiên toà, đại diện theo uỷ quyền của nguyên đơn vẫn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện. Bị đơn ông Bùi Văn T đã thừa nhận hiện nay đang chiếm giữ của ông Nguyễn Hoàng L số tiền 500.000.000 đồng và đồng ý trả nợ theo yêu cầu của nguyên đơn. Tuy nhiên phía bị đơn xin được chia làm 3 kỳ trả nợ với thời gian cụ thể sau: Ngày 25/12/2026 trả 150.000.000 đồng; ngày 25/6/2027 trả 150.000.000 đồng và ngày 25/12/2027 trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng). Ý kiến của bị đơn đưa ra đã được phía nguyên đơn đồng ý và các đương sự đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự.

Xét thấy sự thoả thuận của các đương sự tại phiên toà không làm ảnh hưởng đến quyền và lợi ích hợp pháp của người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đình Q và bà Lê Thị H, sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội, sự thoả thuận cụ thể như sau: Ông Bùi Văn T xác nhận có chiếm giữ và chấp nhận trả cho anh Nguyễn Hoàng L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng); Về thời hạn, phương thức trả nợ cụ thể: Ngày 25/12/2026 trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng); ngày 25/6/2027 trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng) và ngày 25/12/2027 trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Trường hợp ông Bùi Văn T vi phạm nghĩa vụ trả nợ như thỏa thuận trên thì anh Nguyễn Hoàng L được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền nợ còn lại.

Do những người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan vắng mặt tại phiên toà nên để bảo đảm quyền lợi của các đương sự, Hội đồng xét xử ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự là hoàn toàn phù hợp với quy định của pháp luật.

Về lãi suất chậm trả: Các đương sự không yêu cầu nên không đề cập giải quyết.

[6]. Về án phí: Do chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn nên bị đơn ông Bùi Văn T phải chịu tiền án phí DSST theo quy định của pháp luật. Hoàn trả cho ông Nguyễn Hoàng L 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001190, ngày 29/01/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

Xét thấy quan điểm của Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 4- Đắk Lắk là có căn cứ nên cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 2 Điều 26, Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 2 Điều 92, khoản 1 Điều 147, khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự. Căn cứ khoản 2 Điều 1, khoản 3 Điều 2 của Luật sửa đổi bổ sung một số điều của Bộ luật Tố tụng dân sự, Luật Tố tụng hành chính, Luật Tư pháp Người chưa thành niên, Luật Phá sản và Luật Hoà giải, đối thoại.

Căn cứ Căn cứ các Điều 163, 164, 166 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Căn cứ khoản 2, khoản 8 Điều 26 Nghị quyết 326/2016/ UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí lệ phí Tòa án

Tuyên xử:

Ghi nhận sự thoả thuận của các đương sự, sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau: Ông Bùi Văn T xác nhận đang chiếm giữ và chấp nhận trả cho anh Nguyễn Hoàng L số tiền 500.000.000 đồng (năm trăm triệu đồng). Về thời hạn, phương thức trả tiền cụ thể như sau:

- Ngày 25/12/2026 trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Ngày 25/6/2027 trả 150.000.000 đồng (Một trăm năm mươi triệu đồng).
- Ngày 25/12/2027 trả 200.000.000 đồng (Hai trăm triệu đồng).

Trường hợp ông Bùi Văn T vi phạm nghĩa vụ trả tiền như thỏa thuận trên thì anh Nguyễn Hoàng L được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án dân sự thi hành toàn bộ số tiền còn lại.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bên phải thi hành án chưa thi hành khoản tiền nêu trên thì còn phải chịu khoản tiền lãi đối với số tiền chậm trả theo mức lãi suất quy định tại Điều 357 và Điều 468 Bộ luật Dân sự tương ứng với thời gian chậm thi hành án.

2. Về án phí: Ông Bùi Văn T phải chịu 24.000.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm có giá ngạch.

Hoàn trả cho anh Nguyễn Hoàng L 12.000.000đồng (Mười hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0001190, ngày 29/01/2026, tại Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Quyền kháng cáo: Các đương sự có mặt tại phiên toà có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7 và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

***Nơi nhận*:**
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND khu vực 4-Đắk Lắk;
- Phòng T.H.A DS khu vực 4- Đắk Lăk;
- Các đương sự;
- Lưu: Hồ sơ vụ án, V.P.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Hoàng Long